1. **Introduction**
2. **Business Requirements**
   1. **Use Case Specification**
      1. **Use Case list**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ID | Title | Note |
| User Page | | |
| UC01 | Đăng ký | Sử dụng lại hệ thống <https://myworkspace.vn> |
| UC02 | Đăng nhập | Sử dụng lại hệ thống <https://myworkspace.vn> |
| UC03 | Quản lý tài khoản | Sử dụng lại hệ thống <https://myworkspace.vn> |
| UC04 | Xem file/folder theo nhiều chế độ |  |
| UC05 | Thêm hình ảnh/video vào kho dữ liệu |  |
| UC06 | Xem thanh dung lượng khi thực hiện hành động thêm hình ảnh/video vào kho dữ liệu |  |
| UC07 | Chọn tập tin/thư mục bên ngoài |  |
| UC08 | Xuất kết quả thành nhiều loại tập tin |  |
| UC09 | Xem kết quả |  |
| UC10 | Quét tập tin/thư mục |  |
| Admin Page | | |
| UCA01 | Xem danh sách thực thể |  |
| UCA02 | Gửi thông tin thực thể |  |
| UCA03 | Quản lý thông tin người dùng | Sử dụng lại hệ thống <https://myworkspace.vn> |

* + 1. **Use Case Detail**
       1. **Xem file/folder theo nhiều chế độ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Use case tiltle:** Xem file/folder theo nhiều chế độ | | | **Use case ID:** UC04 |
| **Version:** 1.0 |
| **Last Changed:** 20/9/2024 |
| **General use case description:**  Là người dùng, tôi có thể chọn xem file/folder ở nhiều chế độ khác nhau, từ đó tăng tính linh hoạt trong việc lựa chọn các file hình ảnh/video | | | |
| **Entities involved:**  **E01 – User** | | | |
| **Preconditions:**   1. Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống thành công. 2. Người dùng đã có sẵn file hoặc folder 3. Hệ thống đã tải được dữ liệu được lưu từ trước của tài khoản này 4. Người dùng đã cài đặt công cụ AI Media trên tài khoản mà họ đăng nhập. | | | |
| **Primary use case flow of events:** | | | |
| **1.** | **E01** chọn **AIMedia** | | |
| **2.** | Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình gồm danh sách các file/folder đã được tải trước đó. | | |
| **3.** | **E01** chọn chế độ hiển thị file/folder và chế độ hiển thị thông tin của file/folder đó | | |
| **4.** | Nếu **E01** chọn chế độ hiển thị List (mặc định) | | |
|  | 1. | Hệ thống sẽ hiển thị ra các file/folder theo dạng danh sách với mỗi phần tử là một dòng tương ứng | |
| 2. | **E01** thực hiện hành động xem file/folder như bình thường | |
| **5.** | Nếu **E01** chọn chế độ hiển thị Large Icon | | |
|  | 1. | Hệ thống sẽ hiển thị ra các file/folder theo dạng các thẻ hình ảnh, mỗi thẻ sẽ hiển thị hình ảnh xem trước của file dạng thu nhỏ và bên dưới hình ảnh sẽ là thông tin chi tiết của file: tên file, ngày upload, kích thước, tác giả, loại file. | |
| 2. | **E01** thực hiện hành động xem file/folder như bình thường | |
| **6.** | Nếu **E01** chọn chế độ hiển thị AI View | | |
|  | 1. | Hệ thống sẽ hiển thị ra các file/folder theo dạng danh sách với mỗi phần tử là một dòng tương ứng và với mỗi dòng sẽ có thêm thông số về AI của file. | |
| 2. | **E01** thực hiện hành động xem file/folder như bình thường | |
| **7.** | Nếu **E01** chọn chế độ hiển thị thông tin None (mặc định) | | |
|  | 1. | Hệ thống sẽ thu nhỏ khu vực hiển thị thông tin | |
| 2. | **E01** thực hiện hành động xem file/folder như bình thường | |
| **8** | Nếu **E01** chọn chế độ hiển thị thông tin Preview | | |
|  | 1. | Hệ thống sẽ hiển thị một khu vực trống để hiển thị hình ảnh xem trước của file khi được chọn | |
| 2. | **E01** chọn vào file muốn xem | |
| 3. | Hệ thống hiển thị hình ảnh xem trước của file vào khu vực xem trước. | |
| **9.** | Nếu **E01** chọn Details | | |
|  | 1. | Hệ thống sẽ hiển thị ra một khu vực trống để hiển thị thông tin chi tiết của file khi được chọn. | |
| 2. | **E01** chọn vào file muốn xem | |
| 3. | Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của file vào khu vực thông tin chi tiết. | |
| **Primary use case postconditions:**  1. Người dùng xem được tập tin một cách nhanh chóng và thuận tiện.  2. Người dùng xem được tập tin ở dạng Preview pane.  3. Người dùng xem được tập tin ở dạng Details pane. | | | |

* + - 1. **Thêm hình ảnh/video vào kho dữ liệu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Use case tiltle:** Thêm hình ảnh/video vào kho dữ liệu | | | | **Use case ID:** UC05 |
| **Version:** 1.0 |
| **Last Changed:** 20/9/2024 |
| **General use case description:**  Là người dùng, tôi muốn thêm hình ảnh/video tôi đã chọn vào kho dữ liệu, để tôi có thể thực hiện tiếp hành động quét và nhận diện chúng. | | | | |
| **Entities involved:**  **E01 – User** | | | | |
| **Preconditions:**   1. Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống thành công. 2. Người dùng đã có sẵn file hoặc folder 3. Hệ thống đã tải được dữ liệu được lưu từ trước của tài khoản này 4. Người dùng đã cài đặt công cụ AI Media trên tài khoản mà họ đăng nhập. 5. Người dùng đang ở giao diện xem các file/folder | | | | |
| **Flow of events:** | | | | |
| **1.** | **E01** tích chọn vào file hình ảnh/video cần quét. | | | |
|  | **a** | **E01** ấn lệnh chọn tất cả các files hình ảnh/video. | | |
|  | **1.** | Hệ thống xác định quét tìm các files có đuôi .png, .jpg, .mp4. | |
| **2.** | Hệ thống chọn các files được xác định. | |
| **3.** | *Use Case tiếp tục bước 2.* | |
| **b** | **E01** tích chọn vào file không phải hình ảnh/video. | | |
|  | **1.** | Hệ thống hiển thị thông báo lỗi định dạng. | |
| **2.** | **E01** bấm vào nơi bất kỳ trên màn hình để làm mất thông báo. | |
| **3.** | *Use Case dừng lại.* | |
| **2.** | **E01** chọn lệnh thêm vào kho dữ liệu. | | | |
|  | Hệ thống kiểm tra các files mà **E01** chọn, đã có sẵn bên trong kho dữ liệu hay chưa? | | | |
|  | a. | Files đã có trong kho dữ liệu | | |
|  | 1. | Hệ thống tự động xóa dấu tích trên các files và hiển thị thông báo lỗi. | |
| 2. | **E01** bấm vào nơi bất kỳ trên màn hình để làm mất thông báo. | |
| 3. | *Use Case dừng lại.* | |
| b. | Files chưa có trong kho dữ liệu | | |
|  | 1. | *Use case tiếp tục bước 4.* | |
| c. | Files được chọn gồm files đã có và files chưa có trong kho dữ liệu | | |
|  | 1. | Hệ thống tự động xóa dấu tích trên các files đã có trong kho dữ liệu và hiển thị thông báo lỗi. | |
| 2. | **E01** bấm vào nơi bất kỳ trên màn hình để làm mất thông báo. | |
| 3. | *Use case tiếp tục bước 4.* | |
|  | Hệ thống thực hiện lệnh thêm các files được đánh dấu tích vào kho dữ liệu. | | | |
|  | Hệ thống hiển thị thông báo thêm thành công. | | | |
|  | Hệ thống làm mới số lượng hình ảnh/video trong kho dữ liệu. | | | |
|  | Hệ thống cập nhật Thanh dung lượng. | | | |
| **Primary use case postconditions:**  1. Người dùng thêm thành công hình ảnh/video vào kho dữ liệu.  2. Hệ thống tự động làm mới số lượng hình ảnh/video trong kho dữ liệu. | | | | |

* + - 1. **Xem thanh dung lượng khi thực hiện hành động thêm hình ảnh/video vào kho dữ liệu**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Use case tiltle:** Xem thanh dung lượng khi thực hiện hành động thêm hình ảnh/video vào kho dữ liệu | | | | | | **Use case ID:** UC06 |
| **Version:** 1.0 |
| **Last Changed:** 20/9/2024 |
| **General use case description:**  Là người dùng, tôi muốn xem thanh dung lượng khi thực hiện hành động thêm hình ảnh/video vào kho dữ liệu, để tôi có thể nhận biết được rằng liệu tôi nên dừng việc chọn files lại hay là tiếp tục. | | | | | | |
| **Entities involved:**  **E01 – User** | | | | | | |
| **Preconditions:**   * Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống thành công. * Người dùng đã có sẵn file hoặc folder * Hệ thống đã tải được dữ liệu được lưu từ trước của tài khoản này * Người dùng đã cài đặt công cụ AI Media trên tài khoản mà họ đăng nhập. * Người dùng đang ở giao diện xem các file/folder * Người dùng tích chọn file theo đúng định dạng cho phép | | | | | | |
| **Flow of events:** | | | | | | |
| **1.** | **E01** tích chọn vào file hình ảnh/video cần quét. | | | | | |
| **2.** | **E01** chọn lệnh thêm vào kho dữ liệu. | | | | | |
| **3.** | Hệ thống kiểm tra các files mà **E01** chọn, có vượt mức dung lượng kho dữ liệu cho phép hay không? | | | | | |
|  | a. | Dung lượng vượt mức cho phép | | | | |
|  | 1. | Hệ thống hiển thị thông báo dung lượng vượt mức cho phép và gợi ý mua thêm dung lượng | | | |
|  | a. | **E01** chọn mua thêm dung lượng. | | |
|  | **1.** | *Use case tiếp tục bước 4.* | |
| b. | **E01** không chọn mua thêm dung lượng | | |
|  |  | **1.** | *Use case tiếp tục bước 3a2.* | |
| 2. | **E01** bấm nút hủy trên màn hình để làm mất thông báo. | | | |
| 3. | *Use Case dừng lại.* | | | |
| b. | Dung lượng trong mức cho phép | | | | |
|  | 1. | *Use case tiếp tục bước 4.* | | | |
| **4.** | Hệ thống thực hiện lệnh thêm các files được đánh dấu tích vào kho dữ liệu. | | | | | |
| **5.** | Hệ thống cập nhật tổng dung lượng các files có trong kho dữ liệu lên thanh dung lượng | | | | | |
| **6.** | Hệ thống cập nhật trạng thái thanh dung lượng | | | | | |
| **7.** | **E01** xem thanh dung lượng | | | | | |
| **Primary use case postconditions:**  1. Hệ thống thực hiện lệnh thêm các files đó vào kho dữ liệu thành công.  2. Người dùng xem được Thanh dung lượng.  3. Dung lượng files mà người dùng muốn thêm nằm trong mức cho phép. | | | | | | |